TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ JÚT** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2020/HNGĐ
Ngày 31/12/2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nông Văn Bào.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Thuận và bà Phạm Thị Thơm

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thể.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 77/2020/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc "*Ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23/11/2020 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 89/2020/QĐST- HNGĐ ngày 11/12/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị T, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện C, tỉnh Đăk Nông (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nông Văn B, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn 15, xã N, huyện C, tỉnh Đăk Nông (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Chị Lương Thị T với Anh Nông Văn B chung sống như vợ chồng từ năm 2016, sau đó đến năm 2017 đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C (Giấy chứng nhận kết hôn số 156/2017 ngày 15/12/2017). Việc chung sống và kết hôn là tự nguyện, không ai ép buộc. Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc và sinh được 01 con chung là Nông Thị M, sinh ngày 17/4/2018. Sau đó đến khoảng cuối năm 2018 xảy ra nhiều mâu thuẫn là: Do không hợp nhau, nhiều lần chửi mắng, xúc phạm nhau và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên đến đầu năm 2019 chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ

sống ly thân với anh B từ đó đến nay. Vì vậy, chị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với Anh B.

- Về con chung: Hiện tại con Nông Thị M, sinh năm 2018 đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nên chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02/7/2020 anh Nông Văn B trình bày: Quá trình chung sống với chị T có xảy ra mâu thuẫn, nhưng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống vợ chồng. Do đó, anh B mong muốn được tiếp tục chung sống với chị T và không đồng ý ly hôn với chị T.

Sau đó, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh B lên làm việc, nhưng anh B không lên Tòa án làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình; Quá trình giải quyết vụ án Tòa đã đã nhiều lần triệu tập bị đơn lên làm việc, nhưng bị đơn cố tình không lên Tòa án làm việc. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên xử cho chị T được ly hôn với anh B và giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nông Thị M, sinh năm 2018 đến tuổi trưởng thành; Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh B và yêu cầu được nuôi con, anh B đang cư trú tại xã N, huyện C, do đó đây là vụ án "Ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2]. Căn cứ mở phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh B lên làm việc, nhưng anh B không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không tiến

hành lấy lời khai và hòa giải được, do đó Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn hiên tòa cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[3]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh B có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị T và anh B xảy ra nhiều mâu thuẫn và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên đến đầu năm 2019 chị T đã bỏ anh B và về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Thực tế giữa anh B và chị T đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay;

Tại biên bản xác minh ngày 22/9/2020 thể hiện: Chị T và anh B không còn chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay, hiện tại đang sống ly thân với nhau.

Tại khoản 2 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động khác…"* không thể chung sống bên nhau được. Trong khi đó giữa chị T với anh B có đủ điều kiện để chung sống với nhau, nhưng đã không chung sống với nhau.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án anh B thừa nhận có mâu thuẫn vợ chồng nhưng không đồng ý ly hôn. Việc anh B không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra các căn cứ vì sao không đồng ý ly hôn với chị T. Tòa án triệu tập đến làm rõ nguyên nhân và hòa giải nhiều lần nhưng anh B không hợp tác nên Tòa án không thể ghi ghi lời khai của anh B và hòa giải cho hai bên đoàn tụ gia đình được. Việc anh B không hợp tác với Tòa án thể hiện anh B đã từ chối quyền lợi của mình.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị T và anh B không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của chị T và cho chị T được ly hôn với anh B là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về con chung: Hiện tại cháu Nông Thị M, sinh năm 2018 đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; mặt khác cháu M còn nhỏ và là con gái. Vì vậy, cần giao cháu M cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[5]. Về án phí: Chị T phải nộp án phí dân sự về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; các điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lương Thị T;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lương Thị T được ly hôn với anh Nông Văn B.

2. *Về con chung*: Giao con Nông Thị M, sinh ngày 17/4/2018 cho chị Lương Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

4. *Về án phí*: Chị Lương Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000743 ngày 25 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bán án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện Cư Jút;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

NÔNG VĂN BÀO